TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HẢI HẬU** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:58/2023/DS - ST
Ngày: 24 - 4 -2023
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lưu Văn Đê;

Ông Nguyễn Văn Hóa.

- ***Thư ký phiên toà****:* Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định tham gia phiên toà***: Bà Trần Thị Én - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 15/2023/TLST–DS, ngày 01 tháng 02 năm 2023 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2023/QĐXXST - DS ngày 21 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/QĐST – DS, ngày 06 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị T, sinh năm 1973; địa chỉ: Xóm C, xã H.P, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định; "vắng mặt có lý do".

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1970; địa chỉ: Xóm 5, xã H.H, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định; "vắng mặt".

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1968; địa chỉ: Xóm C, xã H.P, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định "vắng mặt có lý do";

2. Anh Đặng Văn Q, sinh năm 1990; địa chỉ: Xóm 5, xã H.H, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định, "vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 01 năm 2023, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Đỗ Thị T trình bày:

Do là hàng xóm thân thiết nên bà T có 02 lần cho bà Nguyễn Thị T1 vay tổng số tiền 560.000.000đồng.Các lần vay cụ thể như sau: ngày 27/6/2022 (âm lịch) vay 50.000.000đồng giao tiền mặt; ngày 29/8/2022 âm lịch (tức ngày 24/9/2022 dương lịch) vay 150.000.000đồng bằng hình thức chuyển khoản vào số tài khoản 3830186839999 tại Ngân hàng Quân đội mang tên Đặng Văn Q (là con trai bà T1); ngày 30/8/2022 (âm lịch) tức ngày 25/9/2022 vay 360.000.000đồng giao tiền mặt. Các lần vay tiền được thể hiện nội dung vay trong giấy vay tiền do bà T1 tự viết và ký tên, bà T giữ giấy vay tiền. Hai bên có thỏa thuận miệng thời hạn trả nợ là tháng 12 năm 2022, lãi suất là 1%/tháng. Hàng tháng bà T1 có trả lãi và đã trả đến tháng 11/2022, nhưng từ tháng 12/2022 đến nay không trả nữa, việc trả lãi không có văn bản giấy tờ gì. Đến hạn trả nợ, bà T nhiều lần yêu cầu bà T1 trả nợ nhưng bà T1 không trả và cố tình lẩn tránh và đến nay bà T1 không có mặt địa phương và không liên lạc được, người nhà bà T1 không cung cấp địa chỉ để liên lạc với bà T1. Bà T xác định việc vay mượn tiền là việc giữa bà T và bà T1, không liên quan đến anh Đặng Văn Q, con trai bà T1. Vì vậy bà T yêu cầu bà T1 phải có trách nhiệm trả cho vợ chồng bà T, ông T số tiền vay nợ là 560.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi từ tháng 12/2022 đến nay.

Đối với bị đơn là bà Nguyễn Thị T1: Trong quá trình giải quyết vụ án, do bà Nguyễn Thị T1 không có mặt ở địa phương nên Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu đã đăng thông tin tìm kiếm bà Nguyễn Thị T1 trên các phương tiện thông tin đại chúng như đăng thông tin tìm kiếm trên báo Công lý 3 số liên tiếp là 16, 17, 18 ra các ngày 24/02/2023, 01/3/2023 và 03/3/2023; trên đài VOV AMS của Trung tâm quảng cáo và dịch vụ truyền thông phát VOV2 vào hồi 17 giờ 30 phút các ngày 25, 26,27 tháng 02 năm 2023 và trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án thông báo lịch làm việc giải quyết vụ án kiện đòi nợ tiền giữa bà T và bà T1. Ngoài ra, Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu còn tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác của Tòa án theo quy định pháp luật cho bà Nguyễn Thị T1 nhưng đến nay bà T1 không đến Tòa án làm việc, vắng mặt không có lý do cũng không có văn bản thể hiện ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị T.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/02/2023, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Đặng Văn Q trình bày:

Anh Q là con đẻ của bà Nguyễn Thị T1. Bà T1 bỏ nhà đi vào khoảng cuối tháng 12 năm 2022 (âm lịch) đến nay không về nhà, hiện nay bà T1 đang làm ăn sinh sống ở đâu, anh Q và gia đình không biết, không liên lạc được. Anh Q đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án, các giấy triệu tập của Tòa án nhân dân huyện

Hải Hậu đối với bà T1 nhưng do không liên lạc được với bà T1 nên anh chưa thông báo được cho bà T1 biết. Anh Q không biết việc bà T1 vay tiền của vợ chồng bà T. Anh thừa nhận có nhận tiền qua tài khoản do bà T chuyển cho bà T1, sau khi nhận được tiền của bà T chuyển khoản, anh đều đã chuyển cho bà T1. Khoảng trước tết nguyên đán năm 2023 bà T nhiều lần đến nhà đòi nợ bà T1 trả tiền vay nhưng bà T1 đều không ở nhà. Anh khẳng định việc vay mượn tiền và góp hội là việc giữa bà T với bà T1, không liên quan đến anh.

Tại bản tự khai ngày 01 tháng 02 năm 2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ông T hoàn toàn nhất trí với lời trình bày của vợ ông là bà Đỗ Thị T về việc vợ chồng ông có cho bà Nguyễn Thị T1 vay tổng số tiền 560.000.000đồng, hiện bà T1 chưa trả vợ chồng ông khoản tiền này. Nay ông nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà T về việc yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị T1 phải trả vợ chồng ông tổng số tiền là 560.000.000đồng, không yêu cầu trả lãi.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu tham gia phiên tòa:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn không hợp tác làm việc với Tòa án, chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Đỗ Thị T; buộc bà Nguyễn Thị T1 phải trả cho vợ chồng ông vợ chồng bà Đỗ Thị T, ông Nguyễn Văn T tổng số tiền 560.000.000đ (năm trăm sáu mươi triệu đồng). Bà T1 phải chịu án phí dân sự theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Đỗ Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Nguyễn Thị T1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Đặng Văn Q vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là phù hợp với quy định tại các điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hợp đồng vay tiền: Căn cứ vào tài liệu chứng cứ do nguyên đơn giao nộp và lời khai của các đương sự có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Theo lời trình bày của bà Đỗ Thị T, bà có 03 lần cho bà Nguyễn Thị T1 vay tổng số tiền 560.000.000đồng, mục đích bà T1 cho người khác vay lại, cụ thể: ngày 27/6/2022 (âm lịch) vay 50.000.000đồng giao tiền mặt; ngày 29/8/2022 âm lịch (tức ngày 24/9/2022 dương lịch) vay 150.000.000đồng bằng hình thức chuyển khoản vào số tài khoản 3830186839999 tại Ngân hàng Quân đội mang tên Đặng Văn Q (là con trai bà T1); ngày 30/8/2022 (âm lịch) tức ngày 25/9/2022 vay 360.000.000đồng giao tiền mặt. Các lần vay tiền bà T1 tự viết giấy vay và ký tên, bà T giữ giấy vay tiền. Hai bên thỏa thuận miệng thời hạn trả nợ là tháng 12 năm 2022, lãi suất là 1%/tháng. Bà T1 đã trả lãi đến tháng 11/2022. Đến hạn trả nợ, bà T nhiều lần yêu cầu bà T1 trả nợ nhưng bà T1 không trả và đến nay không liên lạc được. Nay bà T yêu cầu bà T1 phải trả vợ chồng bà số tiền 560.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi từ tháng 12/2022 đến nay.

[2.2] Theo lời khai của anh Đặng Văn Q thì anh không biết việc vay mượn tiền giữa bà T1 và bà T. Anh Q thừa nhận có nhận tiền qua tài khoản do bà T chuyển cho bà T1 nhưng không biết là tiền gì, sau khi nhận được tiền của bà T chuyển khoản, anh đã chuyển cho bà T1. Khoảng trước tết nguyên đán năm 2023 bà T nhiều lần đến nhà đòi tiền bà T1 nhưng bà T1 đều không ở nhà. Anh khẳng định việc vay mượn tiền là việc giữa bà T với bà T1, không liên quan đến anh.Theo đơn yêu cầu khởi kiện của bà T không yêu cầu anh Q cùng chịu trách nhiệm trả nợ chung cùng bà T1.

[2.3] Chứng cứ mà bà T giao nộp cho Tòa án là 01 giấy vay tiền có các nội dung: ngày 30/8/2022 "*Tôi Nguyễn Thị T1 xóm 5, Hải Hà có vay của em Thanh Thiện, Hải Phúc số tiền 360.000.000đ"*, phía dưới mục bên vay có chữ ký, chữ viết tên Nguyễn Thị T1; ngày 24/6/2022 "*Chị Thu vay thêm của em Thiện Thanh 50.000.000đồng*" phía dưới có chữ ký, chữ viết tên Nguyễn Thị T1; 02 bản chụp màn hình điện thoại thể hiện: ngày 24/9/2022 chuyển khoản số tiền 100.000.000đồng, ngày 25/9/2022 chuyển khoản số tiền 50.000.000 đều chuyển vào số tài khoản 3830186839999 tại Ngân hàng Quân đội, tên người thụ hưởng là Đặng Văn Q, phần nội dung chuyển khoản đều ghi "*Em Thanh Thiện cho chị Thu vay tiền*".

[2.4] Đến hạn trả nợ, bà T1 không trả nên bà T đã đến nhà đòi nợ thì bà T1 đã bỏ đi khỏi địa phương. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng liên quan đến yêu cầu khởi kiện của bà T đối với bà T1, đăng thông tin tìm kiếm bà T1 trên các phương tiện thông tin đại chúng nhưng bà T1 vẫn vắng mặt, không đến Tòa án làm việc cũng không có văn bản thể hiện ý kiến về yêu cầu khởi kiện đòi nợ tiền của bà T đối với bà T1.

[2.5] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự thấy lời khai của nguyên đơn phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong

hồ sơ vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Q cũng đã thừa nhận có nhận tiền do bà T chuyển khoản cho mẹ anh qua số tài khoản ngân hàng mang tên anh và anh đã chuyển cho bà T1. Như vậy có đủ cơ sở khẳng định việc bà Nguyễn Thị T1 có vay số tiền 560.000.000đồng của vợ chồng bà Đỗ Thị T, ông Nguyễn Văn T và hiện chưa trả là có cơ sở. Căn cứ vào Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử xét thấy: Mặc dù bà T đã chuyển khoản số tiền 150.000.000đ vào tài khoản của anh Q con bà T1 nhận nhờ anh Q chuyển cho bà T1, anh Q là con trai bà T1 khẳng định đã chuyển cho bà T1 nhận nên bà T không yêu cầu anh Q liên đới trả nợ cùng bà T1 nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T về việc yêu cầu bà T1 phải trả nợ tiền vay cho vợ chồng ông T, bà T tổng số tiền nợ là 560.000.000đồng.

[2.6] Về lãi suất: Do bà T không yêu cầu trả lãi từ tháng 12/2022 đến nay nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này, không buộc bà T1 phải trả tiền lãi cho vợ chồng bà T.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn là bà Nguyễn Thị T1 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự;

1.1. Xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị T kiện đòi nợ tiền đối với bà Nguyễn Thị T1.

1.2. Buộc bà Nguyễn Thị T1 phải có trách nhiệm trả cho vợ chồng bà Đỗ Thị T, ông Nguyễn Văn T số tiền là 560.000.000đ (năm trăm sáu mươi triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành án xong.

2. Về án phí: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 13 và điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc:

Bà Nguyễn Thị T1 phải nộp số tiền 26.400.000đ (hai mươi sáu triệu bốn trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Đỗ Thị T được nhận lại số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0006458 ngày 01/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Đỗ Thị T, bị đơn bà Nguyễn Thị T1, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Đặng Văn Q, ông Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hóa **Lưu Văn Đê** **Nguyễn Thị Hằng**

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- TAND + VKSND tỉnh Nam Định;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND huyện Hải Hậu;
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

Nguyễn Thị Hằng